

Số: *1947*/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày *06* tháng *7* năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Quyết định số 1573/QĐ-UBND ngày 24/6/2014 của UBND tỉnh về việc cho phép lập dự án Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2015-2025 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2040/QĐ-UBND ngày 28/7/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt đề cương và dự toán kinh phí lập Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2015-2025 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 11/5/2018 của HĐND tỉnh Khánh Hòa về việc Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035;

Xét đề nghị của Sở Công Thương tại Công văn số 779/SCT-QLCN ngày 30/5/2018 về việc trình, phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Khánh Hòa giai đoạn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035, Công văn số 859/SCT-QLCN ngày 13/6/2018 về việc thay đổi tên gọi Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Khánh Hòa;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số *2067* /SKHĐT-KTN ngày *28 / 6* /2018 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035,



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 với các nội dung chính sau:

1. Quan điểm phát triển:

Phát triển công nghiệp theo đúng định hướng của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XVII; Kết luận số 53-KL/TW của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; Nghị quyết số 34-NQ/HĐND ngày 09/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa khóa V, kỳ họp thứ 11, về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa giai đoạn đến năm 2020; gắn với sự phát triển công nghiệp của vùng Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung, bảo đảm khai thác được lợi thế của tỉnh và gắn kết chặt chẽ các mối liên kết vùng để thúc đẩy sự phát triển công nghiệp tỉnh.

Đổi mới phương thức tăng trưởng công nghiệp từ phát triển theo chiều rộng sang chú trọng tăng trưởng theo chiều sâu, từng bước cơ cấu lại các ngành công nghiệp của tỉnh theo hướng hiện đại, nâng cao hiệu quả, năng lực cạnh tranh, phát triển ổn định và bền vững.

Tập trung phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, trong đó ưu tiên khuyến khích phát triển công nghiệp phụ trợ. Lựa chọn phát triển các ngành công nghiệp, các sản phẩm công nghiệp sử dụng công nghệ cao, tiết kiệm năng lượng, tiêu tốn ít tài nguyên, thân thiện môi trường, có khả năng tạo ra giá trị kinh tế cao, đóng góp lớn vào tổng giá trị GDP của tỉnh. Đồng thời tăng nhanh hàm lượng khoa học, công nghệ và tỷ trọng giá trị nội địa hoá trong sản phẩm công nghiệp. Chú trọng kêu gọi các nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư vào những lĩnh vực, ngành công nghiệp mà các nhà đầu tư trong nước còn yếu và thiếu kinh nghiệm.

Phát triển công nghiệp gắn với phát triển bền vững, không thu hút đầu tư bằng mọi giá. Đồng thời luôn dành quỹ đất cho phát triển giai đoạn tiếp theo và đón những dự án lớn, công nghệ hiện đại góp phần tích cực vào chuyển đổi cơ cấu công nghiệp.

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển công nghiệp gắn với với bảo tồn bản sắc văn hoá dân tộc, phát triển du lịch, thương mại, bảo vệ môi trường, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

2. Mục tiêu phát triển:

a) Mục tiêu tổng quát:

Phát huy tối đa các lợi thế, huy động mọi nguồn lực, tạo bước phát triển đột phá về cách thức tăng trưởng công nghiệp, trong đó trọng tâm là: đầu tư cơ sở hạ tầng công nghiệp, đổi mới mô hình thu hút đầu tư, phát triển lực lượng lao động kỹ thuật có trình độ cao, xây dựng chính sách khuyến khích ưu tiên phát triển công nghiệp chủ lực, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp công nghệ cao.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Giai đoạn đến năm 2020: Tỷ trọng công nghiệp – xây dựng trong GRDP của tỉnh chiếm 42% - 44%, trong đó GRDP công nghiệp chiếm 34% - 36,5% tốc độ tăng trưởng bình quân GRDP ngành công nghiệp – xây dựng đạt 6,9% - 7,3%/năm.

- Giai đoạn 2021 – 2025: Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng trong GRDP tỉnh chiếm 45 - 47%, trong đó GRDP công nghiệp chiếm 37 - 39,5%, đến năm 2025, tỷ lệ giá trị sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp đạt trên 40%. Tỷ lệ sản phẩm công nghiệp chế tạo trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp đạt trên 45%.

3. Nội dung quy hoạch:

a) Định hướng phát triển công nghiệp theo vùng kinh tế trọng điểm:

- Khu kinh tế Vân Phong:

+ Phát triển khu vực Nam Vân Phong trở thành trung tâm công nghiệp gắn với cảng biển, là khu vực tập trung thu hút các dự án công nghiệp trọng điểm với các ngành công nghiệp chủ lực như: lọc hóa dầu, công nghiệp điện, đóng tàu, cảng biển, dịch vụ vận tải biển và các ngành công nghiệp phụ trợ;

+ Xây dựng khu vực Bắc Vân Phong là khu công nghệ cao (theo quy hoạch đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong);

- Khu vực Vịnh Cam Ranh: Phát triển tổng hợp kinh tế biển nhằm phát huy lợi thế, tiềm năng phát triển của khu vực với công tác bảo vệ chủ quyền biển, đảo; tập trung phát triển ngành công nghiệp đóng tàu, hàng hải, vận tải biển, dịch vụ cảng biển. Chú trọng phát triển công nghiệp nông thôn, tiểu thủ công nghiệp phục vụ nhu cầu tại chỗ, du lịch và xuất khẩu nhằm tăng thêm thu nhập cho người lao động, giải quyết việc làm và góp phần từng bước hiện địa hóa nông thôn.

- Thành phố Nha Trang – Diên Khánh: Xây dựng hạ tầng khu công nghệ cao phía Tây thành phố Nha Trang và thu hút các dự án phát triển các ngành công nghệ - kỹ thuật cao như: công nghiệp điện tử - tin học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ sinh học. Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp nông thôn, công nghiệp phục vụ du lịch thu hút lao động để giải quyết việc làm cho các lao động nông nghiệp dôi dư do quá trình đô thị hóa.

b) Định hướng phát triển theo lĩnh vực, ngành nghề:

- Tập trung đầu tư cho các ngành công nghiệp có lợi thế trong giai đoạn tới. Phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng để bảo đảm nhu cầu trong nước và tăng nhanh xuất khẩu. Chú trọng thu hút các dự án ngành công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp công nghệ cao, giá trị gia tăng cao, sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên, đảm bảo các yêu cầu về môi trường, có đóng góp lớn cho ngân sách.

- Các ngành công nghiệp trọng điểm sẽ được ưu tiên phát triển trong giai đoạn đến 2020 và giai đoạn 2021 -2025 là:

+ Công nghiệp cơ khí chế tạo máy móc thiết bị và gia công kim loại, trong đó tập trung các ngành sản xuất công nghiệp chế tạo và sửa chữa tàu thủy; cơ khí

nặng; kết cấu thép; thiết bị siêu trường, siêu trọng; chi tiết, thiết bị máy công cụ; máy móc sử dụng trong công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản;

+ Công nghiệp sản xuất thiết bị điện, điện tử, trong đó ưu tiên sản xuất các sản phẩm điện tử công nghiệp, điện tử viễn thông, thiết bị văn phòng, máy tính, điện thoại di động và linh kiện điện tử phục vụ lắp ráp và xuất khẩu;

+ Công nghiệp hỗ trợ ngành cơ khí chế tạo, trong đó tập trung sản xuất, chế tạo thiết bị và phụ tùng và linh phụ kiện phục vụ cho sản xuất lắp ráp ô tô, xe máy, tàu thủy, máy CNC, các sản phẩm công nghệ cao và ứng dụng công nghệ cao;

+ Công nghiệp hỗ trợ ngành sản xuất và lắp ráp điện tử, chủ yếu tập trung vào sản xuất đèn led, chip điện tử, IC, bo mạch điều khiển, và các chi tiết nhựa trong sản phẩm điện tử;

+ Công nghiệp điện trong đó tập trung đầu tư dự án nhiệt điện Vân Phong, nhiệt điện BOT, các dự án năng lượng mới năng lượng tái tạo, thu hút đầu tư phát triển điện mặt trời trên địa bàn tỉnh;

+ Công nghiệp hoá chất, trong đó đặc biệt chú trọng phát triển lĩnh vực sản xuất hoá mỹ phẩm và hoá dược; phát triển công nghiệp lọc, hoá dầu (khi điều kiện cho phép);

+ Công nghiệp dệt may, da giày tập trung vào sản xuất hàng may mặc, giày dép và sản xuất phụ kiện cho sản xuất sản phẩm từ da;

+ Phát triển ngành công nghiệp chế biến NLT&S phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng trong nước với chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc tế, chú trọng các thị trường Nhật Bản, Châu Mỹ, EU, ASEAN và một số thị trường khác;

+ Không thu hút đầu tư những dự án gây ô nhiễm môi trường, công nghệ lạc hậu và giá trị gia tăng thấp. Không thu hút dự án đầu tư ngoài khu, cụm công nghiệp đã được quy hoạch.

- Di chuyển các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm ra khỏi khu dân cư.

- Huy động mọi nguồn lực, tạo môi trường đầu tư thuận lợi để đẩy mạnh xây dựng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp nhằm thu hút đầu tư trong và ngoài nước. Đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, đảm bảo cơ bản các khu, cụm công nghiệp đều có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi xả thải ra môi trường.

- Định phương phát triển các ngành công nghiệp theo thứ tự ưu tiên:

1) Ngành cơ khí (đóng, sửa chữa tàu, công nghiệp hỗ trợ, lắp ráp ô tô,...);

2) Ngành thiết bị điện, điện tử (công nghiệp hỗ trợ, lắp ráp,...);

3) Ngành chế biến nông, lâm, thủy sản và thực phẩm.

c) Quy hoạch phát triển các ngành công nghiệp chủ yếu:

1. Ngành cơ khí, chế tạo:

1.1. Giai đoạn đến năm 2020 (bao gồm cả công nghiệp hỗ trợ):

- Dự án Nhà máy kết cấu thép, Dự án sản xuất máy nâng hạ vận chuyển, dự kiến tại Khu Kinh tế Vân Phong và các KCN, vốn đầu tư 1000 tỷ đồng.

- Dự án sản xuất máy công cụ gia công kim loại. Dự kiến tại KCN Suối Dầu, vốn đầu tư 200 tỷ đồng.

- Dự án sản xuất thùng container, bể, thùng kim loại cỡ lớn, ống thép cỡ lớn,... Dự kiến tại KCN Ninh Thủy, Nam Cam Ranh. Vốn đầu tư khoảng 300 tỷ đồng.

- Dự án sản xuất kết cấu thép tiêu chuẩn và phi tiêu chuẩn. Dự kiến địa điểm: KCN Ninh Thủy, Nam Cam Ranh: 10.000 tấn/năm, Vốn đầu tư 3.500 tỷ đồng.

- Dự án sản xuất ghê ô tô và các phụ kiện đi kèm. Dự kiến địa điểm KCN Vạn Thắng, Nam Cam Ranh hoặc Suối Dầu. Công suất: 150.000 chiếc/ năm. Vốn đầu tư 800 tỷ đồng.

- Dự án sản xuất các sản phẩm cơ khí phục vụ ngành đóng tàu Việt Nam, trong đó chế tạo động cơ tàu thủy, chế tạo chân vịt cho tàu từ 6.500DWT trở lên, hệ thống điều khiển, thiết bị trên boong, Địa điểm đầu tư dự kiến tại KCN Ninh Thủy. Vốn đầu tư 2.000 tỷ đồng.

- Đầu tư các cơ sở đóng tàu đóng tàu thuyền vỏ composite (theo Nghị định 76) làm tàu khai thác thủy sản và du lịch. Vốn đầu tư 4.000 tỷ đồng

- Dự án sản xuất và lắp ráp máy móc thiết bị kỹ thuật điện như: máy phát điện, tổ hợp thiết bị năng lượng, năng lượng tái tạo, máy biến áp chuyên dùng, các động cơ điện. Địa điểm dự kiến: CNN Vạn Thắng hoặc Ninh Thủy. Vốn đầu tư 3.500 tỷ đồng.

1.2. Giai đoạn 2021-2025 (bao gồm cả công nghiệp hỗ trợ):

- Dự án sản xuất, lắp ráp động cơ và các thiết bị phụ tùng cung cấp cho các loại tàu thủy trọng tải từ 6.500 DWT trở lên. Địa điểm dự kiến đầu tư: Ninh Thủy. Vốn đầu tư dự kiến 2.500 tỷ đồng.

- Dự án sản xuất máy móc thiết bị thuộc ngành công nghiệp môi trường, ngành nước. Dự kiến địa điểm tại KCN Ninh Thủy vốn đầu tư 500 tỷ đồng.

- Các dự án sản xuất máy móc, thiết bị, phụ tùng phục vụ các ngành: dệt may, da giày, chế biến thực phẩm, thủy hải sản, nông nghiệp, lắp ráp ô tô tải. Dự kiến địa điểm tại KCN Suối Dầu, Vạn Thắng, Nam Cam Ranh, vốn đầu tư 550 tỷ đồng.

- Dự án sản xuất thùng container, bể, thùng kim loại cỡ lớn, ống thép cỡ lớn,... Kết cấu thép khối chuyên dụng, đặc chủng. Dự kiến địa điểm tại Khu CN Vạn Thắng, Nam Cam Ranh, vốn đầu tư 300 tỷ đồng.

1.3. Tầm nhìn đến năm 2035:

- Tiếp tục phát triển lĩnh vực cơ khí phục vụ sửa chữa và sản xuất một số phụ tùng thiết bị, máy móc chuyên dụng ngành hàng không dân dụng; ngành khai thác dầu khí và các khoáng sản khác; ngành chăm sóc sức khỏe; ngành giáo dục; ngành du lịch; ngành công nghiệp môi trường; ngành công nghiệp năng lượng và một số ngành khác.

- Tiếp tục duy trì sản xuất ổn định, nâng công suất, phát huy hết công suất các dự án đầu tư ở giai đoạn trước, đầu tư kêu gọi mới các dự án: sản xuất máy

công cụ gia công kim loại; sản xuất máy móc thiết bị cho: ngành dệt may - da giày; sản xuất nông - lâm nghiệp; chế biến thủy hải sản, thực phẩm; ngành y tế, ngành đóng và sửa chữa tàu thủy; lắp ráp ô tô, xe máy.

2. Ngành thiết bị điện, điện tử:

2.1. Giai đoạn đến năm 2020 (bao gồm cả công nghiệp hỗ trợ):

- Dự án nhà máy sản xuất đèn led, công suất 1 triệu bộ đèn led/01 tháng, vốn đầu tư khoảng 45 tỷ đồng bằng vốn tự có của doanh nghiệp, địa điểm đầu tư tại cụm công nghiệp Dốc Đá Trắng.

- Dự án đầu tư phát triển khu công nghiệp hỗ trợ sản xuất và lắp ráp điện tử, chủ yếu tập trung vào sản xuất chip điện tử, IC, bo mạch điều khiển, và các chi tiết nhựa trong sản phẩm điện tử. Dự kiến địa điểm đầu tư tại KCN Ninh Thủy và KCN Suối Dầu. Vốn đầu tư khoảng 10.000 tỷ đồng.

- Dự án sản xuất vật liệu điện hóa, pin dùng trong các thiết bị điện tử viễn thông, điện thoại, máy tính xách tay. Công suất khoảng 5 triệu SP/năm. Dự kiến địa điểm đầu tư tại CCN Đắc Lộc hoặc KCN Suối Dầu. Vốn đầu tư khoảng 350 tỷ đồng.

- Dự án sản xuất mạch tích hợp, bộ nhớ dung lượng cao và ổ cứng và các thiết bị lưu trữ khác. Công suất khoảng 10 triệu SP/năm. Dự kiến địa điểm đầu tư: Các Khu công nghiệp và cụm công nghiệp trên địa bàn. Vốn đầu tư khoảng 850 tỷ đồng.

- Dự án sản xuất, gia công phần mềm máy tính. Địa điểm đầu tư dự kiến tại các Khu công nghiệp và cụm công nghiệp trên địa bàn. Vốn đầu tư khoảng 700 tỷ đồng.

2.2. Giai đoạn 2021-2025 (bao gồm cả công nghiệp hỗ trợ):

- Dự án sản xuất màn hình tinh thể lỏng LCD, LED, OLED công suất đạt 300.000 SP/năm. Dự kiến địa điểm tại các Khu công nghiệp và cụm công nghiệp trên địa bàn đáp ứng các yêu cầu. Vốn đầu tư khoảng 750 tỷ đồng.

- Dự án sản xuất robot công nghiệp, công suất ban đầu 2000 chiếc/năm. Dự kiến địa điểm tại KCN Vạn Thắng, Suối Dầu và Nam Cam Ranh. Vốn đầu tư: 1.400 tỷ đồng.

- Dự án sản xuất máy tính, định hướng ưu tiên lắp ráp máy chủ và các thiết bị mạng và thiết bị bảo mật, công suất khoảng 500.000 SP /năm. Dự kiến địa điểm tại Suối Dầu. Vốn đầu tư khoảng 1.500 tỷ đồng.

- Dự án sản xuất đồ gia dụng: nồi cơm điện, máy điều hòa, tủ lạnh, máy rửa bát, bình nước nóng. Công suất 600.000 sản phẩm/năm, tại KCN Suối Dầu hoặc Nam Cam Ranh. Vốn đầu tư khoảng 450 tỷ đồng.

- Dự án sản xuất tấm pin năng lượng mặt trời có công suất 30MW/năm. Dự kiến địa điểm tại Vạn Thắng, Suối Dầu và Nam Cam Ranh. Vốn đầu tư 15.000 tỷ đồng.

2.3. Tầm nhìn đến năm 2035:

- Tiếp tục xúc tiến kêu gọi các dự án đầu tư sản xuất linh phụ kiện và lắp ráp sản phẩm hoàn chỉnh trong các lĩnh vực chế tạo thiết bị điện tử. Chú trọng

vào các dự án sản xuất linh phụ kiện và thiết bị điện tử cao cấp; phục vụ cho ngành vận tải thủy, bộ; khai thác dầu khí; và một vài ngành kinh tế - xã hội khác. Coi trọng việc sử dụng công nghệ sản xuất hiện đại, tiêu tốn ít năng lượng, nguyên liệu; công nghệ thân thiện môi trường để bảo đảm đến 2035, phát triển công nghiệp trên địa bàn Khánh Hòa là xanh và sạch.

- Hợp tác phát triển phần mềm game, phần mềm điều khiển, phần mềm phục vụ sản xuất các sản phẩm công nghệ cao và ứng dụng công nghệ cao nhất là các phần mềm thiết kế cho các máy móc thiết bị điều khiển bằng máy tính CNC.

3. Ngành chế biến nông, lâm, thủy sản và thực phẩm:

3.1. Chế biến thủy, hải sản:

- Giai đoạn đến năm 2020:

+ Dự án nhà máy đồ hộp cá ngừ, công suất 1.000 - 2.000 tấn/năm, vốn đầu tư 100 tỷ đồng.

+ Dự án nhà máy chế biến thủy sản ăn liền (cá tầm gia vị...), công suất 1.000 - 2.000 tấn/năm, vốn đầu tư 100 tỷ đồng.

+ Dự án nhà máy chế biến rong biển, công suất 4.000 - 5.000 tấn/năm, vốn đầu tư 100 tỷ đồng.

+ Dự án nhà máy sản xuất thức ăn tôm, cá phục vụ nuôi trồng thủy sản, công suất 10.000 - 15.000 tấn/năm, vốn đầu tư 30 - 50 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2021 - 2025:

+ Đầu tư nâng công suất đổi mới thiết bị và công nghệ các cơ sở chế biến thủy sản hiện có trong tỉnh, vốn đầu tư 500 tỷ đồng.

+ Dự án nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh, công suất 10.000 tấn/năm, vốn đầu tư 200 tỷ đồng.

3.2. Chế biến nông sản, thực phẩm:

3.2.1. Chế biến lương thực:

- Giai đoạn đến năm 2020:

+ Dự án nhà máy chế biến tinh bột gạo và bột dinh dưỡng, công suất 3.500 - 5.000 tấn/năm, vốn đầu tư 30 - 50 tỷ đồng.

+ Nhà máy chế biến nguyên liệu yến sào Khánh Hòa tại Ninh An, thị xã Ninh Hoà, tổng vốn đầu tư 75 tỷ đồng.

+ Giai đoạn 2021 - 2025: Nâng công suất nhà máy chế biến tinh bột gạo và bột dinh dưỡng, vốn đầu tư 50 tỷ đồng.

3.2.2. Ngành mía đường:

- Giai đoạn đến năm 2020:

+ Đầu tư chiều sâu, hiện đại hóa các nhà máy đường hiện có tại tỉnh Khánh Hòa, vốn đầu tư 300 tỷ đồng.

+ Đầu tư các nhà máy sản xuất cồn thô công suất 2 - 3,5 triệu lít/năm, vốn đầu tư 30 tỷ đồng/nhà máy.

- Giai đoạn 2021 - 2025:

- + Duy trì công suất, đầu tư chiều sâu, hiện đại hóa máy móc thiết bị của các nhà máy đường trong tỉnh nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm.
- + Nâng công suất các nhà máy sản xuất cồn thô, vốn đầu tư 40 tỷ đồng.
- + Ngoài chế biến cồn từ mật ri, khuyến khích các nhà máy đường trong tỉnh mở rộng phạm vi chế biến thêm các sản phẩm sau đường như bánh kẹo, nước quả...

3.2.3. Chế biến hoa quả:

- Giai đoạn đến năm 2020:
 - + Nhà máy đồ hộp thực phẩm xuất khẩu công suất 10.000 tấn/năm, vốn đầu tư 80 tỷ đồng.
 - + Nhà máy chế biến hoa quả khô tại Khánh Sơn, công suất 5.000 - 8.000 tấn/năm, vốn đầu tư 30 tỷ đồng.
- Giai đoạn 2021 - 2025:
 - + Nâng công suất nhà máy đồ hộp thực phẩm xuất khẩu lên 15.000 tấn/năm, vốn đầu tư 50 tỷ đồng.
 - + Nâng công suất nhà máy chế biến xoài tại huyện Cam Lâm, Cam Ranh, Khánh Hòa lên 8.000 - 10.000 tấn/năm, vốn đầu tư 30 tỷ đồng.
 - + Nâng công suất nhà máy chế biến hoa quả khô tại Khánh Sơn lên 10.000 tấn/năm, vốn đầu tư 20 tỷ đồng.

3.2.4. Chế biến thực phẩm từ gia súc, gia cầm:

- Giai đoạn đến năm 2020:
 - + Đầu tư 03 khu giết mổ gia súc, gia cầm tập trung tại xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh và tại phường Ninh Hiệp, xã Ninh Đông, thị xã Ninh Hòa và tại xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh.
 - + Nhà máy chế biến thịt gia súc, gia cầm tại KCN Suối Dầu, KCN Diên Phú, công suất 5.000 - 8.000 tấn/năm, vốn đầu tư 60 tỷ đồng/nhà máy.
 - + Nhà máy chế biến thịt đà điểu, cá sấu tại Ninh Hòa, công suất 5.000 tấn/năm, vốn đầu tư 80 tỷ đồng.
- Giai đoạn 2021 - 2025:
 - + Nâng công suất Nhà máy chế biến thịt gia súc, gia cầm tại KCN Suối Dầu, KCN Diên Phú lên 10.000 tấn/năm, vốn đầu tư 30 tỷ đồng/nhà máy.
 - + Nâng công suất Nhà máy chế biến thịt đà điểu, cá sấu tại Ninh Hòa lên 8.000 tấn/năm, vốn đầu tư 50 tỷ đồng.

3.3. Nhóm ngành chế biến lâm sản và sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ:

3.3.1. Chế biến gỗ, lâm sản:

- Giai đoạn đến năm 2020:
 - + Nhà máy sản xuất viên gỗ nén, công suất 1,7 triệu tấn/năm, vốn đầu tư 150 tỷ đồng.
 - + Nhà máy sản xuất đồ thủ công mỹ nghệ tại KCN Ninh Thủy, vốn đầu tư 30 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2021 - 2025:

+ Nâng công suất nhà máy sản xuất viên gỗ nén, vốn đầu tư 50 tỷ đồng.

+ Nâng công suất nhà máy sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ, vốn đầu tư 15 tỷ đồng.

3.3.2. Công nghiệp sản xuất giấy:

- Giai đoạn đến năm 2020: Nhà máy sản xuất giấy bao bì, công suất 20 triệu SP/năm, vốn đầu tư 50 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2021 - 2025: Nâng công suất Nhà máy sản xuất giấy bao bì lên 30 - 50 triệu sản phẩm/năm, vốn đầu tư 30 tỷ đồng.

3.4. Nhóm ngành sản xuất bia, nước giải khát, nước khoáng:

- Giai đoạn đến năm 2020:

+ Đầu tư chiều sâu nâng công suất và chất lượng sản phẩm nhà máy chế biến nước yến Công ty Yến Sào Khánh Hòa. Vốn đầu tư 500 tỷ đồng.

+ Dự án đầu tư nâng cao năng lực dây chuyền sản xuất nước uống tăng lực Lipovitan của Công ty Taisho. Vốn đầu tư 60 tỷ đồng.

+ Nâng công suất nhà máy bia Sanmiguel. Vốn đầu tư 500 tỷ đồng.

+ Đầu tư nâng cao năng lực sản xuất Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hoà. Vốn đầu tư 50 tỷ đồng.

+ Đầu tư nhà máy chế biến nước hoa quả có công suất từ 5.000 tấn quả/năm. Vốn đầu tư 50 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2021 - 2025: Đầu tư nâng công suất nhà máy nhà máy Bia Sài Gòn – Khánh Hòa lên 100 triệu lít/năm. Vốn đầu tư 500 tỷ đồng

3.5. Tầm nhìn đến năm 2035:

- Chế biến thủy sản: Khuyến khích các doanh nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu đầu tư nâng cấp công nghệ, đa dạng hóa sản phẩm xuất khẩu, đồng thời mở rộng công suất bằng cách khuyến khích các cơ sở có vùng nguyên liệu ổn định đầu tư nâng công suất hoặc đầu tư thêm nhà máy chế biến mới.

- Chế biến thức ăn thủy sản: Khuyến khích các thành phần kinh tế xây dựng nhà máy có quy mô lớn và chất lượng sản phẩm cao.

- Sản xuất mía đường: Rà soát lại quy hoạch vùng nguyên liệu cho các nhà máy, bảo đảm đủ diện tích, liên vùng, liên khoảnh, tạo điều kiện cho cơ giới hóa canh tác mía có hiệu quả; Áp dụng mạnh mẽ tiến bộ kỹ thuật trong việc cải tạo giống và canh tác cây mía; Không bố trí thêm các nhà máy đường. Các nhà máy đường hiện có cần thực hiện các điểm sau:

+ Mở rộng công suất phù hợp với vùng nguyên liệu được quy hoạch và sản lượng mía tương ứng;

+ Từng bước hiện đại hóa thiết bị, tăng khả năng thu hồi;

+ Đa dạng hóa sản phẩm, kết hợp giữa sản xuất đường với sản xuất điện, cồn, giấy (chú trọng bảo vệ môi trường)

+ Thực hiện ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với nông dân; chủ động hỗ trợ nông dân vùng nguyên liệu về giống, canh tác lớn (dịch vụ làm đất, thu hoạch...)

- Chế biến thịt: Chủ yếu là khuyến khích các cơ sở hiện có chuyên dần sang các sản phẩm thịt cao cấp, đáp ứng tốt các yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm, nâng công suất đáp ứng nhu cầu trong nước.

- Công nghiệp rượu, bia, nước giải khát: Ngành bia trong giai đoạn này chủ yếu đầu tư chiều sâu đối với các nhà máy hiện có, không xây dựng thêm nhà máy mới. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư sản xuất nước giải khát với quy mô lớn, thiết bị, công nghệ hiện đại, đảm bảo vệ sinh thực phẩm và bảo vệ môi trường; sử dụng nguyên liệu trong nước kết hợp xây dựng vùng nguyên liệu, trong đó ưu tiên sản xuất nước giải khát từ hoa quả tươi và các loại nước giải khát bổ dưỡng.

- Công nghiệp chế biến gỗ: Củng cố các cơ sở hiện có, hướng tới chuyên dần sang các sản phẩm mộc gia dụng xuất khẩu.

- Công nghiệp giấy: Nên tính đến khả năng không cấp thêm giấy phép đầu tư mới cho các dự án sản xuất giấy, trường hợp đặc biệt cần đánh giá hiệu quả đầu tư và tác động môi trường một cách kỹ lưỡng. Theo đó, công nghệ phải hướng tới công nghệ sạch, hiện đại và sử dụng năng lượng hiệu quả. Đồng thời hướng vào các công nghệ tuần hoàn để có thể tái sử dụng nguồn nước sản xuất nhằm giảm thiểu chất thải, nước thải.

4. Ngành sản xuất Vật liệu xây dựng:

4.1. Khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng (VLXD) thông thường:

4.1.1. Gạch không nung:

- Giai đoạn đến năm 2020:

+ Đầu tư các cơ sở sản xuất gạch bloc bê tông tại TP. Nha Trang; Cụm CN VLXD Cam Phước Đông; CCN Ninh Xuân, TX. Ninh Hòa; KCN Vạn Ninh, huyện Vạn Ninh; Cụm Ba Bắc, huyện Khánh Sơn; tổng công suất 110 triệu viên/năm; Vốn đầu tư 4,5 tỷ đồng.

+ Đầu tư dây chuyền sản xuất gạch bê tông khí chưng áp cách âm, cách nhiệt sử dụng cho xây dựng nhà cao tầng; Địa điểm: Khu CN Ninh Thủy; Công suất GD1: 50.000 m³/năm; Vốn đầu tư: 150 tỷ đồng (công nghệ và thiết bị của nước CHLB Đức).

- Giai đoạn 2021 - 2025:

+ Đầu tư mở rộng công suất của các cơ sở sản xuất gạch bloc bê tông đã đầu tư ở giai đoạn trước lên gấp đôi; Vốn đầu tư 4,5 tỷ đồng.

+ Đầu tư mở rộng dây chuyền sản xuất gạch bê tông khí chưng áp cách âm, cách nhiệt; Công suất GD2: 100.000 m³/năm ~ 70 triệu viên gạch/năm; Vốn đầu tư: 150 tỷ đồng.

4.1.2. Gạch ngói:

- Giai đoạn đến năm 2020:

+ Đầu tư 2 trạm phân phối xi măng sẽ tiếp tục được xây dựng tại KCN Ninh Thủy gồm: Trạm phân phối xi măng của Công ty Long Sơn và Tập đoàn Xuân Thành.

+ Đầu tư xây dựng mới các cơ sở sản xuất ngói xi măng cát màu tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh với tổng công suất 1 triệu m²/năm; Vốn đầu tư 10 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2021 - 2025: Đầu tư mở rộng các cơ sở sản xuất ngói xi măng cát màu tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh lên tổng công suất 2 triệu m²/năm. Vốn đầu tư 10 tỷ đồng.

4.2. Sản xuất đá ốp lát:

- Giai đoạn đến năm 2020:

+ Nhà máy sản xuất đá ốp lát nhân tạo tại Khu công nghiệp Vạn Ninh, công suất 1 triệu m²/năm, vốn đầu tư 300 tỷ đồng.

+ Đầu tư các nhà máy chế biến tại Huyện Diên Khánh, Vạn Ninh công suất 1 triệu m²/năm, vốn đầu tư 50 tỷ đồng/nhà máy.

- Giai đoạn 2021 - 2025:

+ Đầu tư mở rộng các nhà máy chế biến tại Huyện Diên Khánh, Vạn Ninh; vốn đầu tư 40 tỷ đồng/nhà máy.

+ Đầu tư mới nhà máy chế biến tại Huyện Cam Lâm; công suất 500.000 m²/năm; Vốn đầu tư 20 tỷ đồng.

4.3. Sản xuất đá, cát xây dựng:

- Giai đoạn đến năm 2020:

+ Đầu tư mở rộng, đầu tư mới khai thác, chế biến đá xây dựng tại các mỏ thuộc huyện Diên Khánh, Thị xã Ninh Hòa, Huyện Vạn Ninh, TP. Cam Ranh, Huyện Cam Lâm, Huyện Khánh Sơn. Vốn đầu tư 150 tỷ đồng.

+ Đầu tư sản xuất cát nhân tạo tại huyện Vạn Ninh, công suất 450 ngàn m³/năm, vốn đầu tư 5 tỷ đồng.

+ Đầu tư các cơ sở sản xuất đá tại khu vực xã Ninh Phước, thị xã Ninh Hoà.

- Giai đoạn 2021 - 2025: Đầu tư sản xuất cát nhân tạo tại Thành phố Cam Ranh, công suất 450 ngàn m³/năm, vốn đầu tư 5 tỷ đồng.

4.4. Sản xuất xi măng:

- Giai đoạn đến năm 2020:

+ Hoàn thiện đồng bộ dây chuyền hiện có và phát huy hết công suất thiết kế của trạm nghiền xi măng Hòn Khói trên cơ sở thực hiện liên doanh liên kết với các cơ sở sản xuất xi măng lớn trong nước để có nguồn cung ứng clanhke ổn định và thực hiện nghiêm túc các quy định bảo vệ môi trường;

+ Đưa vào hoạt động và phát huy công suất của trạm nghiền xi măng Cam Ranh - Công ty CP Xi măng Hà Tiên và trạm trung chuyển, phân phối xi măng Ninh Thủy - Công ty xi măng Nghi Sơn để cung cấp xi măng cho nhu cầu xây dựng trong tỉnh.

+ Xây dựng và đưa vào hoạt động trạm nghiền xi măng Công Thanh, trực thuộc dây chuyền 2 của nhà máy xi măng Công Thanh đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép bổ sung vào Quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam

đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 tại văn bản số 2140/TTg-CN ngày 28/12/2006.

- Giai đoạn 2021 - 2025: Hoàn thiện đồng bộ các dây chuyền hiện có và phát huy hết công suất thiết kế của trạm nghiền xi măng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

4.5. Chế biến cát thủy tinh:

- Giai đoạn đến năm 2020: Nhà máy sản xuất Sodium silicate tại KCN Nam Cam Ranh, công suất 50.000 tấn/năm, vốn đầu tư 107 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2021 - 2025: Đầu tư mở rộng công suất của nhà máy chế biến Sodium silicate đã đầu tư trong giai đoạn trước lên gấp đôi để phục vụ thị trường xuất khẩu.

4.6. Các loại vật liệu xây dựng trang trí, hoàn thiện khác:

- Giai đoạn đến năm 2020:

+ Sản xuất gạch lát hệ tự chèn, tại KCN Vạn Ninh, Cụm CN Diên Thọ, Cụm CN VLXD Cam Phước Đông, công suất 50.000 m²/năm, vốn đầu tư 5 tỷ đồng/cơ sở.

+ Sản xuất gạch terazzo tại Cụm CN Diên Thọ, huyện Diên Khánh, KCN Ninh Thủy, Ninh Hòa, công suất 150 ngàn m²/năm, vốn đầu tư 15 tỷ đồng/cơ sở.

+ Sản xuất tấm trần và vách sợi tại KCN Ninh Thủy, Ninh Hòa, Cụm CN VLXD Cam Phước Đông, KCN Vạn Ninh, H. Vạn Ninh, công suất 15 ngàn m³/năm, vốn đầu tư 25 tỷ đồng/cơ sở.

- Giai đoạn 2021 - 2025:

+ Nâng công suất nhà máy sản xuất gạch lát hệ tự chèn, tại KCN Vạn Ninh, Cụm CN Diên Thọ, Cụm CN VLXD Cam Phước Đông lên 80.000 m²/năm, vốn đầu tư 5 tỷ đồng/cơ sở.

+ Nâng công suất nhà máy sản xuất gạch terazzo tại Cụm CN Diên Thọ, huyện Diên Khánh, KCN Ninh Thủy, Ninh Hòa lên 200 ngàn m²/năm, vốn đầu tư 10 tỷ đồng/cơ sở.

+ Nâng công suất nhà máy sản xuất tấm trần và vách sợi tại KCN Ninh Thủy, Ninh Hòa, Cụm CN VLXD Cam Phước Đông, KCN Vạn Ninh, H. Vạn Ninh lên 20 ngàn m³/năm, vốn đầu tư 10 tỷ đồng/cơ sở.

4.7. Tầm nhìn đến 2035:

- Phát triển ngành sản xuất VLXD Khánh Hòa thành một ngành kinh tế mạnh, trên cơ sở khai thác hợp lý, có hiệu quả tài nguyên khoáng sản làm VLXD đảm bảo phát triển hài hòa, bền vững giữa kinh tế, an ninh quốc phòng và bảo vệ môi trường, sinh thái, đáp ứng đủ cho nhu cầu về VLXD trong tỉnh và dành nhiều cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu cả về khối lượng, chất lượng lẫn chủng loại.

- Ưu tiên phát triển công nghệ tiên tiến, hiện đại sản xuất các sản phẩm chất lượng, có giá trị kinh tế cao, tiêu tốn ít nguyên liệu, năng lượng, nhiên liệu; các sản phẩm tiết kiệm năng lượng, cách âm, thân thiện môi trường, vật liệu không nung, sản phẩm tái chế. Phát triển các công nghệ sử dụng nhiên liệu tái

chế. Chú trọng đầu tư cải tạo, hiện đại hoá các cơ sở sản xuất VLXD hiện có, công nghệ lạc hậu, tiêu tốn nhiều nguyên liệu, ô nhiễm môi trường.

- Phát triển các loại VLXD thân thiện môi trường, vật liệu nội thất cao cấp, vật liệu cách âm, cách nhiệt, vật liệu tiết kiệm năng lượng...

- Tạo điều kiện tiếp tục duy trì các dự án nhà máy xi măng hiện đại hiện có. Đề xuất phát triển sản xuất kính nghệ thuật, kính màu, kính phản quang, kính an toàn chất lượng cao trên địa bàn. Tổ chức triển khai chương trình phát triển vật liệu không nung. Phát triển công nghiệp bê tông tiên chế, bê tông đúc sẵn, bê tông dự ứng lực, bê tông thương phẩm, vữa trộn sẵn được sản xuất cơ giới hóa với công nghệ tiên tiến, kỹ thuật hiện đại đảm bảo đồng nhất, chất lượng cao.

5. Ngành dệt may – da giày:

5.1. Ngành Dệt May:

- Giai đoạn đến năm 2020:

+ Đưa vào vận hành nhà máy dệt vải demin Nha Trang có công suất 23 triệu mét vải/năm, tổng vốn đầu tư 353 tỷ đồng của Công ty CP Phong Phú.

+ Tiếp tục đầu tư chiều sâu, nâng công suất các nhà máy may hiện có của tỉnh.

+ Đầu tư một nhà máy may xuất khẩu quy mô trung bình, công suất (2-3) triệu sản phẩm tại Phường Cam Phúc Bắc - thành phố Cam Ranh để sử dụng lao động tại chỗ của địa phương, sản xuất sản phẩm tiêu dùng nội địa và làm xí nghiệp vệ tinh cho các nhà máy may lớn tại các đô thị trong khu vực. Vốn đầu tư khoảng 30 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2021 - 2025:

+ Đầu tư chiều sâu, nâng công suất Công ty CP phụ liệu may Nha Trang.

+ Dự án nhà máy sản xuất chỉ may, chỉ thêu tại Nha Trang, công suất 750 tấn/năm, vốn đầu tư 200 tỷ đồng.

5.2. Ngành Da giày:

- Giai đoạn đến năm 2020: Dự án nhà máy sản xuất giày dép theo quy mô công nghiệp với công suất 1- 2 triệu đôi/năm. Vốn đầu tư 50 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2021 – 2025:

+ Tiếp tục đầu tư chiều sâu, nâng công suất nhà máy thuộc da cá sấu, đà điểu của Khatoco, nâng công suất lên 50.000 tấm da đà điểu và 15.000 tấm da cá sấu tại Cụm công nghiệp chăn nuôi của Khatoco - thị xã Ninh Hòa. Vốn đầu tư: 30 tỷ đồng.

+ Dự án đầu tư sản xuất cặp - túi - ví được chế biến từ da cá sấu và da đà điểu công suất: 1,5 triệu chiếc/năm. Vốn đầu tư 150 tỷ đồng.

5.3. Tầm nhìn đến 2035:

- Tập trung đầu tư cho may thời trang cao cấp. Ưu tiên các dự án đầu tư ứng dụng công nghệ và thiết bị hiện đại, nâng cao năng suất lao động, dịch chuyển dần từ phương thức gia công - xuất khẩu sang hình thức FOB (mua

nguyên liệu, bán thành phẩm) và ODM (tự thiết kế, sản xuất, bán thành phẩm) nhằm tăng thêm giá trị gia tăng.

- Đối với dệt công nghiệp cần lựa chọn đầu tư những công nghệ tiên tiến, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, tăng năng suất lao động, phân đầu đa dạng mẫu mã sản phẩm để cung cấp nguyên liệu đầu vào cho ngành may trong nước và xuất khẩu.

- Kêu gọi các doanh nghiệp trong ngành tập trung đầu tư phát triển sản xuất nguyên phụ liệu, vải, sợi để hình thành nên chuỗi cung ứng hoàn chỉnh; Bố trí các nhà máy sản xuất các sản phẩm phụ trợ (sợi bông, sợi tổng hợp, thuốc nhuộm, các phụ kiện...) tại Khu công nghiệp để thuận lợi cho khâu cung cấp nước và xử lý nước thải.

- Đối với các loại giày dép phục vụ nhu cầu nội địa cần tập trung mạnh vào mẫu mã thời trang, quan tâm nghiên cứu nhu cầu thị trường. Đối với sản phẩm xuất khẩu tập trung sản xuất các sản phẩm giày da, túi ví cao cấp với mẫu mã phong phú, đẹp mắt, cập nhật được xu thế thời trang thế giới.

6. Sản xuất phân phối điện, nước:

6.1. Sản xuất và phân phối điện:

- Giai đoạn đến năm 2025:

+ Đưa vào hoạt động Nhà máy nhiệt điện BOT Vân Phong 1 (2x660MW) do Tập đoàn Sumitomo làm chủ đầu tư với tổng vốn đầu tư 2 tỷ USD. Trong điều kiện cho phép sẽ tiếp tục nghiên cứu đầu tư Nhà máy 2 (2x660MW).

+ Phát triển 2 nhà máy nhiệt điện với 4 tổ máy công suất 4x660MW của Trung tâm điện lực Vân Phong I.

+ Tiến hành khảo sát chọn địa điểm, trình chủ trương đầu tư dự án Nhà máy điện sinh học Khánh Hoà công suất khoảng 1.300MW tại khu vực Ninh Hải, thị xã Ninh Hoà.

Giai đoạn đầu công suất 2x660 MW, được đấu nối với lưới điện quốc gia 02 cấp điện áp 220 KV và 500 KV. Giai đoạn dài hạn: công suất tăng thêm 2x660 MW, xây dựng trạm 500 KV công suất 2x450 MVA để truyền tải điện của nhà máy lên lưới.

+ Nhà máy thủy điện Sông Giang 1: Công suất 16MW thực hiện giai đoạn đến năm 2020, vốn đầu tư 242 tỷ đồng.

+ Nhà máy thủy điện nhỏ Sông Chò 2: Công suất lắp đặt 5,6MW, vốn đầu tư 110 tỷ đồng, giai đoạn 2016 - 2020.

+ Nhà máy điện mặt trời của Công ty CP Điện mặt trời Tuấn Ân và Công ty CP Khai thác thủy điện Sông Giang.

+ Tiến hành khảo sát, lập dự án để chọn địa điểm đầu tư nhà máy sản xuất điện năng lượng mặt trời. Công suất 10MWp chia làm 3 giai đoạn, thực hiện đến 2025, vốn thực hiện 30 triệu USD. cung cấp một phần điện cho TP.Cam Ranh.

+ Kêu gọi đầu tư và phát triển cá dự án điện năng lượng mặt trời với quy lớn tại khu vực Cam Ranh, Cam Lâm, Ninh Hoà và Vạn Ninh.

Tổng vốn đầu tư: 46.552 tỷ đồng (Vốn BOT chiếm trên 90%)

- Tầm nhìn đến năm 2035: Tiếp tục khảo sát, lập quy hoạch đối với các dự án điện sinh khối, điện tái tạo tận dụng địa hình và thiên nhiên tỉnh Khánh Hòa. Với đặc thù là quy hoạch mang tính chuyên ngành cao, đòi hỏi phải có sự cân đối và tính toán liên kết chặt chẽ đối với tất cả phần tử trong hệ thống điện toàn quốc. Đây là giai đoạn khá xa so với hiện tại, kế hoạch dự kiến của Tổng sơ đồ VII và tổng sơ đồ điện VII điều chỉnh cũng chỉ mới dừng lại ở giai đoạn đến 2035 cho hệ thống lưới truyền tải. Như vậy, căn cứ vào tình hình xuất nhập khẩu nguyên liệu, giai đoạn này công suất có thể tăng thêm khoảng 680 - 1.340MW.

Tổng vốn đầu tư khoảng 26.000 – 46.200 tỷ đồng (Nguồn BOT).

6.2. Lưới điện:

6.2.1. Lưới 500kV:

Xây dựng TBA 500kV Vân Phong dung lượng 1.800MVA, chia làm 2 tổ máy, tổ máy 1 dung lượng 900MVA, lắp đặt và đưa vào vận hành giai đoạn 2016-2025. Trạm biến áp 500kV Vân Phong được xây mới, đồng bộ với nhà máy nhiệt điện Vân Phong. Đường dây Vân Phong - Vĩnh Tân 2 x195km và đường dây Vân Phong - Bình Định 1 x220 km.

6.2.2. Lưới 220kV:

- Giai đoạn 2016-2025: Khai thác tốt, nâng cao độ tin cậy cho lưới điện 220kV Nha Trang hiện hữu, cải tạo và nâng dung lượng trạm 220kV Nha Trang lên thành 2x220 kV. Xây dựng mới TBA 220kV Vân Phong, TBA 220kV Cam Ranh, TBA 220kV Ninh Hòa với tổng dung lượng 750MVA với số vốn khoảng 960 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2026-2035: Tiếp tục khai thác các TBA hiện hữu, nâng cao độ tin cậy và nâng dung lượng các TBA 220kV Vân Phong, TBA 220kV Cam Ranh, TBA 220kV Ninh Hòa với tổng dung lượng 750MVA tăng thêm.

6.2.3. Lưới 110kV:

Đến năm 2025, nâng dung lượng 5 TBA 110kV hiện hữu với tổng dung lượng tăng thêm là 126MVA. Xây dựng mới 13 TBA 110kV với tổng dung lượng 569MVA, tổng số vốn đầu tư nâng cấp và xây mới khoảng 600 tỷ đồng. Tiếp tục đầu tư 20 công trình đường dây với quy mô 171km đường dây.

Triển khai các dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia thuộc Chương trình cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo giai đoạn 2013-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2081/QĐ-TTg ngày 8/11/2013, với tổng số vốn 199 tỷ đồng, với quy mô 22,446km đường dây trung áp, 174,927km đường dây hạ áp...

Tiếp tục triển khai các dự án cải tạo lưới điện 15kV lên vận hành 22kV cho các khu vực đường dây khó khăn không thể liên lạc được với lưới trung áp của các khu vực khác. Triển khai song song công tác sửa chữa lớn như thay máy biến áp phân phối (MBA) vận hành lâu năm và lạc hậu kỹ thuật như máy chỉ có một cấp điện áp phía cao áp để phân bổ nguồn vốn sửa chữa lớn và đầu tư cho phù hợp.

6.3. Sản xuất và phân phối nước:

- Tiếp tục duy trì các nhà máy nước hiện có;
- Nâng công suất nhà máy nước Vạn Giã lên 39 ngàn 3/ngày/đêm, nguồn nước từ hồ Đồng Điền;
- Xây mới các nhà máy nước: Nhà máy nước Đại Lãnh, công suất 2000 m³/ngày/đêm, nguồn hồ Đại Lãnh; nhà máy nước Tu Bông, công suất 50.000 m³/ngày/đêm, nguồn nước Hoa Sơn và hồ Đồng Điền; nhà máy nước Huydai Vinashin công suất 6.000 m³/ngày/đêm, nguồn nước hồ Hòn Khói; nhà máy nước Ngọc Sơn công suất 51.500 m³/ngày/đêm, nguồn nước hồ Đá Bàn và hồ Đồng Điền.

- Phân đầu đến năm 2025 trên 95% dân cư nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh, trong đó 50% nước cấp từ hệ thống nước tập trung. Xây dựng hệ thống cấp nước phục vụ phát triển kinh tế và dân sinh trên huyện đảo của Tỉnh. Các công trình thủy lợi đa tác dụng cũng sẽ được xây dựng bảo đảm nguồn nước phục vụ dân sinh và cho các KCN.

* Các dự án đầu tư đến năm 2025:

- Đầu tư xây dựng và hoàn thiện nhà máy nước Suối Dầu (công suất 50.000m³/nd) được chia làm hai giai đoạn; Giai đoạn 1: công suất 30.000m³/nd, giai đoạn 2 nâng công suất lên 50.000m³/nd; sử dụng nguồn nước mặt từ Hồ Suối Dầu; Quy mô dự án gồm 2,44km tuyến ống thô DN800 dẫn nước từ Hồ Suối Dầu về nhà máy xử lý và 20km tuyến ống chuyển tải DN từ 400 - 600 về huyện Diên Khánh và thành phố Nha Trang.

- Cải tạo và nâng công suất NMN Xuân Phong như: thay thế các máy bơm ở trạm bơm nước thô và nước sạch, nâng cấp hệ thống điện phục vụ trạm bơm và nhà máy xử lý nước với công suất 20.000m³/ngày/đêm.

- Đầu tư xây mới NMN Sơn Thạch dự kiến đặt tại xã Diên Thọ (Diên Khánh) với công suất giai đoạn 2020 là 50.000m³/ngày/đêm, giai đoạn sau năm 2025 dự kiến 150.000m³/ngày-đêm.

- Kêu gọi đầu tư các dự án nước sạch ở các huyện như sau:

TT	Tên công trình	Địa điểm	Dân số (người)	Vốn (tỷ đồng)	Hình thức đầu tư
1	HTCN Diên Lộc - Diên Bình - Diên Hòa	Diên Khánh	12.000	29,0	Đầu tư mới
2	HTCN Cam Hiệp Bắc	Cam Lâm	20.000	30,0	Đầu tư mới
3	HTCN sinh hoạt đảo Cam Bình	Cam Ranh	2000	50,0	Đầu tư mới
4	HTCN sinh hoạt đảo Hòn Tre	Nha Trang	2000	50,0	Đầu tư mới
5	HTCN Cam Thịnh Tây	Cam Ranh	2.000	6,0	Nâng cấp
6	HTCN Ninh Tây	Ninh Hòa	4.000	3,5	Đầu tư mới
7	HTCN sinh hoạt Liên Sang	Khánh Vĩnh	2.000	12,0	Đầu tư mới

8	HTCN sinh hoạt Suối Cá, Khánh Trung	Khánh Vĩnh	2.000	10,0	Đầu tư mới
9	HTCN sinh hoạt Nước Nhĩ, Khánh Phú	Khánh Vĩnh	2.000	7,0	Đầu tư mới
Tổng cộng			44.000	197,5	

- Tiếp tục xây dựng các nguồn cấp nước tập trung, đưa vào sử dụng hiệu quả các hệ thống cấp nước ở các huyện trên toàn Tỉnh Khánh Hòa. tiếp tục triển khai công tác đầu tư 2 dự án: Hệ thống cấp nước Diên Lộc - Diên Bình - Diên Hòa, huyện Diên Khánh và Hệ thống cấp nước Cam Hiệp Bắc, huyện Cam Lâm; Nhà máy nước tại xã Ninh Phước nguồn nước từ Hồ Tiên Du (công suất 20.000m³/ngày). Triển khai lắp đặt mạng cấp nước và đồng hồ vào hộ gia đình của các hệ thống cấp nước tập trung đã hoàn thành tăng tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn Bộ Y tế.

- Khai thác tốt và hiệu quả nguồn nước ngầm một cách hợp lý ở những nơi việc phát triển mạng cấp nước tập trung không phát huy được, đẩy mạnh cấp nước sạch quy mô <150 m³/ngày tại chỗ ở khu vực nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng cao. Đảm bảo cung cấp nước sạch, nước ngọt cho các huyện đảo của Tỉnh Khánh Hòa.

- Đảm bảo nhu cầu cấp nước sạch sinh hoạt đối với các đô thị và thị trấn, và các khu dân cư nông thôn, cụ thể: Thành phố Nha Trang 180 lít/người-ngđ; thị xã Cam Ranh 120 lít/người-ngđ; các thị trấn 100 lít/người-ngđ; các khu dân cư nông thôn 60 - 80 lít/người-ngđ. Về lâu dài, cần xem xét phương án hợp tác với Phú Yên để có nguồn cấp nước có quy mô lớn lấy từ nguồn lưu vực sông Ba.

- Xây dựng hệ thống công thoát nước riêng liên hoàn và bán riêng cùng với các công trình xử lý nước thải tại các khu công nghiệp, Trung tâm nhiệt điện Vân Phong, thành phố Nha Trang, thị xã Cam Ranh và các thị trấn, thị tứ. Nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp trong các khu đô thị, khu công nghiệp và các nhà máy được thu về trạm xử lý tập trung để xử lý làm sạch đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra ngoài.

7. Ngành công nghiệp hóa chất:

- Giai đoạn đến năm 2020:

+ Kêu gọi đầu tư xây dựng Dự án Tổ hợp lọc hóa dầu Nam Vân Phong có công suất 10 triệu tấn dầu/năm tại thôn Mỹ Giang, Ninh Phước, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

+ Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân vi sinh và chế phẩm sinh học tại Cụm công nghiệp Nam Cam Ranh - xã Cam Thịnh Đông.

+ Kêu gọi đầu tư nhà máy xử lý và tái chế rác thải sinh hoạt tại các thành phố, thị trấn của Tỉnh. Giai đoạn đến năm 2020 kêu gọi đầu tư khoảng 2-3 nhà máy.

+ Kêu gọi đầu tư nhà máy sơn bảo vệ và tàu biển chất lượng cao.

+ Dự án xây dựng nhà máy sản xuất đồ chơi trẻ em tại KCN Nam Cam Ranh.

- + Xây dựng xưởng đóng tàu bằng vật liệu Composite tại Cam Ranh.
- + Kêu gọi dự án nhà máy sản xuất dược phẩm, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng. VĐT: 200 tỷ
- + Dự án nhà máy chế biến các sản phẩm từ cây neem (hay còn gọi Sầu đâu) để chế tạo sản phẩm sinh học, thuốc trừ sâu, mỹ phẩm có chất lượng cao, phục vụ cho thị trường trong nước và xuất khẩu.
- + Kêu gọi đầu tư nhà máy sản xuất các chi tiết nhựa phục vụ cho công nghiệp đóng tàu và sản xuất gỗ nhựa ngoài trời.
- Giai đoạn 2021 – 2025:
 - + Kêu gọi đầu tư nhà máy xử lý và tái chế rác thải sinh hoạt tại các thành phố, thị trấn của Tỉnh. Giai đoạn 2021-2025 kêu gọi đầu tư khoảng 3-4 nhà máy.
 - + Khi có thị trường nâng công suất của các dự án giai đoạn trước.
- Tầm nhìn đến năm 2035:
 - + Tiếp tục đẩy mạnh sản xuất và thu hút đầu tư vào một số sản phẩm như hoá dược, hoá mỹ phẩm, nhựa công nghiệp, hoá dầu, sơn,...kết hợp với nghiên cứu sản xuất một số loại hóa chất số lượng nhỏ, hóa chất tinh và tinh khiết.
 - + Phát huy công suất các nhà máy đã được đầu tư trong giai đoạn trước, đẩy mạnh phát triển và nâng cao chất lượng sản phẩm, đầu tư công nghệ hiện đại, tiên tiến tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu trong nước và một phần xuất khẩu ra các nước trong khu vực.

8. Ngành công nghiệp khai khoáng:

8.1. Quy hoạch thăm dò khai thác và chế biến:

8.1.1. Quy hoạch thăm dò khai thác đá ốp lát, đá xây dựng:

- Giai đoạn đến năm 2020:
 - + Đầu tư hình thành hai vùng khai thác đá ốp lát tập trung theo quy mô công nghiệp tại huyện Vạn Ninh và Diên Khánh.
 - + Tiếp tục đề nghị Chính phủ bổ sung các mỏ đá ốp lát tiềm năng như mỏ Tân Dân - Suối Luông - Suối Hàng, mỏ Núi Đạn, mỏ Ninh Tân, mỏ Nam Suối tiên, mỏ Hòn Chuông, mỏ Tân Sương, mỏ Cam Lập, mỏ Hòn Rồng vào Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng ở Việt Nam tạo cơ sở cho các đơn vị có năng lực xin đầu tư thăm dò nguồn nguyên liệu phục vụ việc khai thác lâu dài.
- Đầu tư, thăm dò, khai thác các mỏ đất ốp lát như mỏ Tân Dân - Suối Luông - Suối Hàng, mỏ Núi Đạn, Diên Tân, Diên Lộc, Suối Tiên, mỏ Nam Suối tiên, Suối Cát. Công suất khai thác: 150.000m³/năm. Vốn đầu tư 75 tỷ đồng.
- + Đầu tư mở rộng, đầu tư mới khai thác, chế biến đá xây dựng tại các mỏ thuộc huyện Diên Khánh, thị xã Ninh Hòa, huyện Vạn Ninh, TP. Cam Ranh, huyện Cam Lâm và huyện Khánh Sơn, công suất khai thác khoáng 800.000 m³/năm. Vốn đầu tư 84 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2021-2025:

+ Tiếp tục đầu tư duy trì khai thác các mỏ đá ốp lát giai đoạn trước, công suất 100.000 m³/năm. Vốn đầu tư: 50 tỷ.

+ Tiếp tục đầu tư mở rộng, đầu tư mới khai thác chế biến đá xây dựng tại các mỏ thuộc các huyện Diên Khánh, thị xã Ninh Hòa, huyện Vạn Ninh, TP. Cam Ranh, huyện Cam Lâm và huyện Khánh Sơn, công suất khoảng 400.000 m³/năm. Vốn đầu tư: 40 tỷ đồng.

8.1.2. Khai thác sét gạch ngói:

- Giai đoạn đến năm 2020: Đầu tư thăm dò khai thác mỏ sét ở Diên Xuân (huyện Diên Khánh) đạt công suất khai thác 30.000m³/năm. Vốn đầu tư khoảng 500 triệu đồng.

- Giai đoạn 2021 - 2025: Tiếp tục đầu tư khai thác các mỏ sét khác ở huyện Diên Khánh, thị xã Ninh Hòa, TP. Cam Ranh phục vụ cho công nghiệp gạch, ngói đáp ứng một phần nhu cầu xây dựng của địa phương trong tỉnh. Vốn đầu tư khoảng 3 tỷ.

8.1.3. Khai thác cát thủy tinh:

Cát trắng là nguồn nguyên liệu không chỉ dành cho sản xuất VLXD (men Frit, kính dây dựng) mà còn là nguồn nguyên liệu có giá trị cao khi được tinh chế đối với các ngành công nghiệp khác (công nghiệp thiết bị điện, điện tử, công nghiệp luyện kim; công nghiệp hóa chất...).

Đối với mỏ cát Thủy Triều - Cam Hải Đông - TP. Cam Ranh, khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt là Khu du lịch cấp quốc gia. Đề phù hợp với chủ trương của Chính phủ và UBND tỉnh Khánh Hòa, việc khai thác tại khu vực này được cho phép tiến hành đến hết năm 2012, chỉ khai thác đủ đáp ứng nhu cầu trong nước.

- Giai đoạn đến năm 2020: Nâng công suất khai thác, chế biến cát trắng làm nguyên liệu sản xuất thủy tinh xây dựng, kính xây dựng, men gốm sứ xây dựng... phục vụ nhu cầu trong nước tại mỏ cát trắng huyện Cam Lâm. Công suất khai thác 550.000tấn/năm. Vốn đầu tư 11 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2021-2025: Tiếp tục đầu tư duy trì khai thác tinh chế cát thủy tinh phục vụ nhu cầu trong nước. Công suất 350.000 tấn/năm. Vốn: 6 tỷ đồng

8.1.4. Khai thác cát xây dựng: Giai đoạn đến năm 2020, đầu tư khai thác mỏ cát lòng sông tại thị xã Ninh Hòa, huyện Khánh Sơn, huyện Cam Lâm, huyện Khánh Vĩnh. Công suất khoảng 100.000 - 150.000 m³/năm. Vốn đầu tư 5 tỷ đồng.

8.1.5. Khai thác sét bùn:

- Giai đoạn đến năm 2020:

+ Đầu tư thăm dò sét bùn tại các xã Ninh Hưng, Ninh Xuân, Ninh Lộc thuộc thị xã Ninh Hòa, xã Cam Phước Đông - Thành phố Cam Ranh. Diện tích thăm dò khoảng 5.3 ha. Vốn đầu tư khoảng 3 tỷ đồng.

+ Đầu tư khai thác nước khoáng dùng cho ngâm tắm, tại lỗ khoan HT1, Hòn Thơm, xã Vĩnh Ngọc, TP. Nha Trang. Công suất khai thác 990 m³/ngày. Vốn đầu tư: 1 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2021 - 2025:

+ Tiếp tục đầu tư thăm dò sét bùn các xã khác thuộc thị xã Ninh Hòa, huyện Diên Khánh, Thành phố Cam Ranh. Diện tích khoáng 3,5 ha. Vốn đầu tư: 2 tỷ đồng.

+ Tiếp tục duy trì khai thác nước khoáng dùng cho ngâm tắm, tại lỗ khoan HT1, Hòn Thom, xã Vĩnh Ngọc, TP. Nha Trang. Công suất khai thác 990m³/ngày. Vốn đầu tư: 1 tỷ đồng.

8.2. Tầm nhìn đến năm 2035:

- Tập trung đầu tư cho công tác thăm dò nâng cấp và mở rộng trữ lượng nhằm đảm bảo tài nguyên đủ tin cậy cho hoạt động của các dự án khai thác các loại khoáng sản trong tỉnh.

- Không xuất khẩu khoáng sản thô, khuyến khích đầu tư công nghệ tiên tiến, đồng bộ, công nghệ sạch ít hoặc không tạo ra ô nhiễm môi trường. Đẩy mạnh chế biến sâu, nâng cao giá trị gia tăng, chất lượng sản phẩm chế biến và hiệu quả sản xuất kinh doanh của các cơ sở chế biến các loại khoáng sản. Gắn việc khai thác, chế biến với khâu xử lý triệt để chất thải, hoàn thổ và khôi phục môi trường trong khai thác mỏ.

- Phát huy tối đa tiềm năng tài nguyên khoáng sản, khai thác hợp lý và tiết kiệm để sản xuất ra nhiều sản phẩm nguyên liệu khoáng và các sản phẩm sản xuất từ nguyên liệu khoáng phục vụ nhu cầu tại chỗ và đưa vào lưu thông, tạo thêm nguồn tích lũy cho ngân sách, phấn đấu đưa ngành công nghiệp khai khoáng trở thành một trong những ngành kinh tế quan trọng, góp phần công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm cho người lao động, cải thiện đời sống nhân dân trong toàn tỉnh.

9. Định hướng phát triển TTCN và làng nghề:

9.1. Sản xuất, chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản:

- Xay xát lương thực: Tiếp tục phát triển năng lực các cơ sở hiện có trên địa bàn, thay thế dần công nghệ và hướng đến xay xát lương thực đạt tiêu chuẩn phục vụ xuất khẩu.

- Chế biến bảo quản hoa quả: Phát triển các sản phẩm với thiết bị máy móc và công nghệ đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và vệ sinh môi trường.

- Chế biến hải sản: Tăng cường năng lực chế biến từ thủy hải sản khai thác và nuôi trồng, chế biến sản phẩm đạt chất lượng phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu. Phát triển các cơ sở chế biến nước mắm quy hoạch một khu vực sản xuất nước mắm tập trung.

- Điêu khắc gỗ, mộc mỹ nghệ, đan lát: Từng bước thực hiện cơ khí hóa một số khâu trong quy trình sản xuất, nhằm nâng cao chất lượng và giá trị đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu.

9.2. Sản xuất, chế biến đáp ứng nhu cầu các ngành, lĩnh vực:

- Sản xuất, gia công, sửa chữa cơ kim khí: Phát triển các cơ sở gia công cửa sắt-nhôm-Inox... phát triển các cơ sở đúc các sản phẩm từ gang, nhôm...

thực hiện từng bước cơ giới hóa các khâu trong sản xuất nông nghiệp, sửa chữa các phương tiện phục vụ sản xuất và dân dụng.

- Ngành nghề sản xuất các sản phẩm phi kim loại: Hỗ trợ và đẩy mạnh phát triển các sản phẩm như: dệt may-da giày; bao bì; VLXD... Hình thành từ 1-2 cơ sở sản xuất bao bì phục vụ sản xuất và dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

9.3. Phát triển làng nghề truyền thống và làng nghề mới:

Để đưa ngành thủ công mỹ nghệ trở thành ngành phụ trợ quan trọng cho du lịch, Khánh Hòa cần sớm lập dự án điều chỉnh quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn giai đoạn đến năm 2020, trong đó cần có kế hoạch cụ thể để phát triển du lịch gắn với làng nghề. Về phía các cơ sở tiểu thủ công nghiệp, nên tổ chức, sắp xếp lại để phục vụ du lịch, trong đó cần tạo ra các sản phẩm đa dạng, chất lượng, có tính mỹ thuật, chú trọng khai thác triệt để những thế mạnh của ngành mỹ nghệ, góp phần bảo tồn và phát triển các làng nghề trong tỉnh. Các nghề chế biến nông sản được thực hiện trong các hộ gia đình nông dân. Chế biến lương thực có nghề xay lúa, xay bột, nghề làm bún, làm bánh (*bánh ướt* Diên Khánh, *bánh phu thê* Ninh Hòa, *bánh tráng* Vạn Ninh là những sản phẩm rất nổi tiếng). Chế biến thực phẩm có nghề nấu rượu, nghề nấu đường, nghề ép dầu thực vật (dầu dừa, dầu phụng...), nghề chế biến thực phẩm khô (cá, tôm, mực...) hoặc muối. Có những sản phẩm mà tiếng tăm vượt ra khỏi địa phương như *nem chua* Ninh Hòa, *nai khô* Diên Khánh, *nước mắm* Cửa Bé, *yến sào* Hòn Nội...

Tiếp tục hỗ trợ đầu tư khôi phục, phát triển làng nghề truyền thống; làng nghề và nghề truyền thống gồm:

- Làng nghề truyền thống: làng nghề chế tác đá mỹ nghệ tổ dân phố Phong Phú 1 (Ninh Giang - thị xã Ninh Hoà).

- Nghề truyền thống như: Làng nghề đúc đồng Phú Lộc Tây (huyện Diên Khánh), Làng dệt chiếu cói Mỹ Trạch (huyện Ninh Hòa), Làng nghề gốm Trung Đông (Vạn Ninh), Làng nghề gốm Lu Cẩm, Làng dệt chiếu cói xã Vĩnh Thái (Tp. Nha Trang). làng nghề chế tác đá mỹ nghệ tổ dân phố Phong Phú 1 (Ninh Giang - thị xã Ninh Hoà).

- Làng nghề: nghề xoi trầm hương (thôn Phú Hội 1, xã Vạn Thắng, huyện Vạn Ninh); nghề chế tác đá mỹ nghệ tổ dân phố Phong Phú 1, phường Ninh Giang, thị xã Ninh Hoà; Làng nghề trồng hoa cúc tổ dân phố Phong Phú 2, phường Ninh Giang, thị xã Ninh Hoà; Làng nghề đan giỏ cần xé thôn Suối Cát, xã Cam Hiệp Nam, huyện Cam Lâm.

Ngoài ra, để phát huy lợi thế, tiềm năng của từng địa phương về phát triển ngành nghề; nguồn lực lao động; khả năng truyền nghề, du nhập nghề mới; khả năng mở rộng thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước, ... Trên cơ sở đó, mỗi làng lựa chọn một sản phẩm có nhiều ưu thế nhất để xây dựng dự án đầu tư phát triển sản phẩm đặc trưng của làng và phát triển thành làng nghề.

10. Định hướng phát triển khu, cụm công nghiệp:

10.1. Khu kinh tế, khu công nghiệp:

- Khu vực Bắc Vân Phong: Tập trung tại Bán đảo Hòn Gôm, khu vực Đại Lãnh, khu Vực Tu Bông và thị trấn Vạn Giã, gồm: Cảng trung chuyển quốc tế,

cảng du lịch quốc tế, các công trình dịch vụ hậu cảng, công nghiệp, các khu đô thị du lịch và các khu đô thị đan xen với các khu rừng ngập mặn, các không gian cây xanh, mặt nước và các khu đồi núi trên bán đảo. Trong đó: Khu phi thuế quan bao gồm các khu chức năng: Cảng trung chuyển quốc tế và cảng du lịch quốc tế gắn với Đầm Môn; khu dịch vụ và công nghiệp hậu cảng; khu đô thị và trung tâm thương mại - tài chính tại trung tâm bán đảo Hòn Gốm, kết nối với các khu vực cảng và dịch vụ - công nghiệp hậu cảng.

- Khu vực Nam Vân Phong tập trung tại khu vực Đông Bắc thị xã Ninh Hòa và xã Ninh Phước, gồm: Cảng nước sâu, các tổ hợp công nghiệp, kho tàng tận dụng được lợi thế của cảng nước sâu, các khu đô thị và các khu dịch vụ du lịch, được phân bố, đan xen với các không gian sinh thái ngập mặn, đồi núi sát biển, dọc theo tỉnh lộ 652D (tỉnh lộ 1B cũ), cũng như phía Đông đường sắt quốc gia Bắc - Nam.

Bảng Danh mục các khu công nghiệp đến năm 2025

TT	Tên Khu CN	Địa điểm	Quy mô (ha)			Ngành nghề sản xuất
			Diện tích hiện tại	Diện tích điều chỉnh (+ tăng ; - giảm) ha	Tổng diện tích	
1	Khu công nghiệp Suối Dầu	Huyện Cam Lâm	152	- 15,27	136,73	Tổng hợp
2	Khu công nghiệp Ninh Thủy (nằm trong KKT Vân Phong)	Thị xã Ninh Hòa	500	- 292,1	207,9	Tổng hợp
3	Khu công nghiệp Nam Cam Ranh	TP Cam Ranh	203,72	+ 148,71	352,43	Tổng hợp
4	Khu công nghiệp Vạn Thắng/Vạn Ninh (nằm trong KKT Vân Phong)	Huyện Vạn Ninh	200	0	200	Khu công nghiệp sạch

10.2. Cụm công nghiệp:

- Đến năm 2020, tỉnh Khánh Hòa có 12 cụm công nghiệp với tổng diện tích là 618,26 ha, trong đó:

+ Xây dựng cơ sở hạ tầng và thu hút đầu tư, phấn đấu đạt tỷ lệ lấp đầy 100% đối với các cụm công nghiệp (CCN): Diên Phú, Đắc Lộc.

+ Hoàn thiện đầy đủ các hạng mục hạ tầng kỹ thuật và lấp đầy khoảng 30 - 50% diện tích các cụm công nghiệp và chăn nuôi Khatoco, Sông Cầu, Trảng É 1,2 và Tân Lập.

+ Thành lập mới và kêu gọi đầu tư hạ tầng các cụm công nghiệp các cụm công nghiệp Cam Thịnh Đông, Cam Thành Nam, Diên Thọ, Dốc Đá Trắng, Ninh Xuân và Sơn Bình.

- Đến năm 2025, tiếp tục hoàn thiện đầu tư hạ tầng đối với 12 cụm công nghiệp với tổng diện tích là 618,26 ha, trong đó: phấn đấu đạt tỷ lệ lấp đầy trên 80% đối với các cụm công nghiệp và chăn nuôi Khatoco, Sông Cầu, Trảng É 1, 2, Tân Lập. Hoàn thiện các hạng mục hạ tầng kỹ thuật đối và phấn đấu đạt tỷ lệ lấp đầy khoảng 30% - 50% các cụm công nghiệp Cam Thịnh Đông, Cam Thành Nam, Diên Thọ, Dốc Đá Trắng, Ninh Xuân và Sơn Bình.

Bảng Quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp đến 2025

T T	Cụm công nghiệp	Địa điểm	Tính chất	Diện tích (ha)	Đến 2020	Đến 2025
1	Cụm công nghiệp Diên Phú	xã Diên Phú, huyện Diên Khánh	cơ khí chế tạo, may mặc, thủ công mỹ nghệ	75	80%	100%
2	Cụm công nghiệp Đắc Lộc	xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang	Các ngành công nghiệp sạch	36,8	80%	100%
3	Cụm công nghiệp và chăn nuôi Khatoco	xã Ninh Ích, thị xã Ninh Hòa	Chăn nuôi, chế biến thực phẩm, thuốc da,	35,58	Hoàn hiện hạ tầng, lấy đầy 30 -50%	80%
4	Cụm công nghiệp Sông Cầu	xã Sông Cầu, huyện Khánh Vĩnh	Thủ công mỹ nghệ, chế biến nông lâm sản; chế biến gỗ; sản xuất nước đá; chế biến lương thực, thực phẩm (trừ chế biến thủy hải sản tươi sống); may mặc; cơ khí;	40	Hoàn hiện hạ tầng, lấy đầy 30 -50%	80%
5	Các Cụm công nghiệp Trảng É 1, 2, 3	xã Suối Cát, huyện Cam Lâm	Các ngành công nghiệp sạch	152,3	Hoàn hiện hạ tầng, lấy đầy 30 -50%	80%
6	Cụm công nghiệp Tân Lập	xã Cam Thành Bắc, huyện Cam Lâm	Các ngành công nghiệp sạch	40	Hoàn hiện hạ tầng, lấy đầy 30 -50%	80%
7	Cụm công nghiệp Dốc Đá Trắng	xã Vạn Hưng, huyện Vạn Ninh	Sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí, điện tử và may mặc	50	Kêu gọi đầu tư hạ tầng	Hoàn hiện hạ tầng, lấy đầy 30 -50%
8	Cụm công nghiệp Diên Thọ	xã Diên Thọ, huyện Diên Khánh	Chăn nuôi, chế biến thực phẩm, thuốc da,	50	Kêu gọi đầu tư hạ tầng	Hoàn hiện hạ tầng, lấy đầy 30 -50%
9	Cụm công nghiệp Cam Thịnh Đông	tại thôn Hòa Sơn (xã Cam Thịnh Đông) và thôn Thịnh Sơn (xã Cam Thịnh Tây) Tp Cam Ranh	Sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí, điện tử và may mặc	40	Hoàn hiện hạ tầng	Hoàn hiện hạ tầng, lấy đầy 30 -50%
10	Cụm công nghiệp Ninh Xuân	xã Ninh Xuân, thị xã Ninh Hòa	Các ngành công nghiệp sạch	50	Kêu gọi đầu tư hạ tầng	Hoàn hiện hạ tầng, lấy đầy 30 -50%
11	Cụm công nghiệp Sơn Bình	xã Sơn Bình huyện Khánh Sơn	Sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí, điện tử và may mặc	18	Kêu gọi đầu tư hạ tầng	Hoàn hiện hạ tầng, lấy đầy 30 -50%
12	Cụm công nghiệp Cam Thành Nam	xã Cam Thành Nam, TP Cam Ranh	Các ngành công nghiệp sạch	40	Hoàn hiện hạ tầng	Hoàn hiện hạ tầng, lấy đầy 30 -50%

11. Nhu cầu vốn đầu tư:

Để đạt được mục tiêu và phương hướng phát triển công nghiệp ước tính nhu cầu vốn đầu tư cho công nghiệp đến 2025 vào khoảng 227.799 tỷ đồng. Cụ thể nhu cầu vốn đầu tư như sau:

- Nguồn vốn huy động từ Ngân sách: Dự kiến ngân sách Nhà nước cần để hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng khu, cụm công nghiệp, nhất là cho cụm công nghiệp, xúc tiến kêu gọi đầu tư, các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật và dịch vụ khác khoảng 3.417 tỷ đồng.

- Nguồn vốn doanh nghiệp và vốn vay: Huy động vốn tự có của các doanh nghiệp và vốn vay của doanh nghiệp. Dự báo huy động được 107.065,5 tỷ đồng, chiếm khoảng 47% tổng nguồn vốn.

- Nguồn vốn nước ngoài: Dự báo khả năng thu hút từ các nguồn vốn nước ngoài khoảng 117.316,5 tỷ đồng, chiếm khoảng 51,5%.

- Phân chia về nhu cầu vốn theo các giai đoạn như sau:

+ Giai đoạn đến năm 2020:

Nguồn vốn Ngân sách: 977 tỷ đồng.

Nguồn vốn doanh nghiệp và vốn vay: 30.590 tỷ đồng.

Nguồn vốn nước ngoài: 33.520 tỷ đồng.

+ Giai đoạn 2021 đến năm 2025:

Nguồn vốn Ngân sách: 2.440 tỷ đồng.

Nguồn vốn doanh nghiệp và vốn vay: 76.475,5 tỷ đồng.

Nguồn vốn nước ngoài: 83.796,5 tỷ đồng.

4. Danh mục các dự án đầu tư chủ yếu trong giai đoạn quy hoạch:
(Phụ lục kèm theo)

5. Các giải pháp và chính sách thực hiện quy hoạch:

a) Giải pháp ngắn hạn:

- Phát triển công nghiệp công nghiệp hỗ trợ, công nghệ cao;
- Đẩy nhanh tiến độ phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển công nghiệp.

b) Giải pháp đồng bộ:

Giải pháp và chính sách: Vốn; nguồn nhân lực; khoa học & công nghệ; đầu tư; quản lý; quản lý phát triển các khu, cụm công nghiệp; hợp tác liên vùng và phối hợp phát triển; bảo vệ môi trường được cụ thể hóa như nêu tại Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 11/5/2018 của HĐND tỉnh Khánh Hòa về việc Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

Điều 2. Tổ chức thực hiện Quy hoạch

1. Sở Công Thương phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương có liên quan tổ chức thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức công bố công khai Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035; Hướng dẫn thực hiện và

tham mưu UBND tỉnh quản lý, triển khai các nhiệm vụ và giải pháp theo quy hoạch này.

- Xác định cụ thể cơ cấu nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Trung ương, địa phương, vốn huy động và các nguồn vốn khác, đề xuất giải pháp, chính sách thu hút các nguồn vốn để đầu tư phát triển công nghiệp theo quy hoạch.

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo các đơn vị chức năng quán triệt và thực hiện quy hoạch theo hướng dẫn của Sở Công Thương.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp Sở Tài chính, Sở Công Thương, UBND các huyện, thị xã, thành phố cân đối, bố trí vốn đầu tư để thực hiện các nội dung quy hoạch.

4. Các Sở, ngành liên quan: theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị có trách nhiệm phối hợp với Sở Công Thương, UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện có hiệu quả nội dung quy hoạch này; đồng thời xem xét điều chỉnh quy hoạch của ngành, địa phương cho phù hợp với nội dung quy hoạch này.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông Vận tải; Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong; UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, PH. *M*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Lê Đức Vinh

Phụ lục**Danh mục các Dự án ưu tiên đầu tư**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1947/QĐ-UBND ngày 06/7/2018 của UBND tỉnh)

STT	Dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Phân kỳ đầu tư
I	Công nghiệp cơ khí, chế tạo		
1	Dự án Nhà máy kết cấu thép, Dự án sản xuất máy nâng hạ vận chuyển tại Khu Kinh tế Vân Phong và các KCN	1000	2020
2	Dự án sản xuất máy công cụ gia công kim loại tại KCN Suối Dầu	200	2020
3	Dự án sản xuất thùng container, bể, thùng kim loại cỡ lớn, ống thép cỡ lớn tại KCN Ninh Thủy, Nam Cam Ranh	300	2020
4	Dự án sản xuất kết cấu thép tiêu chuẩn và phi tiêu chuẩn tại KCN Ninh Thủy, Nam Cam Ranh: 10.000 tấn/năm	3.500	2020
5	Dự án sản xuất ghế ô tô và các phụ kiện đi kèm. Dự kiến địa điểm KCN Vạn Thắng, Nam Cam Ranh hoặc Suối Dầu. Công suất: 150.000 chiếc/năm	800	2020
6	Dự án sản xuất các sản phẩm cơ khí phục vụ ngành đóng tàu Việt Nam, trong đó chế tạo động cơ tàu thủy, chế tạo chân vịt cho tàu từ 6.500DWT trở lên, hệ thống điều khiển, thiết bị trên boong tại KCN Ninh Thủy	2.000	2020
7	Đầu tư các cơ sở đóng tàu đóng tàu thuyền vỏ composite (theo Nghị định 76) làm tàu khai thác thủy sản và du lịch	4.000	2020
8	Dự án sản xuất và lắp ráp máy móc thiết bị kỹ thuật điện như: máy phát điện, tổ hợp thiết bị năng lượng, năng lượng tái tạo, máy biến áp chuyên dùng, các động cơ điện tại CNN Vạn Thắng hoặc Ninh Thủy	3.500	2020
9	Dự án sản xuất, lắp ráp động cơ và các thiết bị	2.500	2021-2025

	phụ tùng cung cấp cho các loại tàu thủy trọng tải từ 6.500 DWT trở lên. Tại Ninh Thủy		
10	Dự án sản xuất máy móc thiết bị thuộc ngành công nghiệp môi trường, ngành nước tại KCN Ninh Thủy	500	2021-2025
11	Các dự án sản xuất máy móc, thiết bị, phụ tùng phục vụ các ngành: dệt may, da giày, chế biến thực phẩm, thủy hải sản, nông nghiệp, lắp ráp ô tô tải tại KCN Suối Dầu, Vạn Thắng, Nam Cam Ranh	550	2021-2025
12	Dự án sản xuất thùng container, bể, thùng kim loại cỡ lớn, ống thép cỡ lớn,... Kết cấu thép khối chuyên dụng, đặc chủng tại Khu CN Vạn Thắng, Nam Cam Ranh	300	2021-2025
II	Công nghiệp sản xuất thiết bị điện, điện tử		
1	Nhà máy sản xuất đèn led công suất 1 triệu bộ đèn led/01 tháng tại cụm công nghiệp Dốc Đá Trắng.	45	2020
2	Dự án đầu tư phát triển khu công nghiệp hỗ trợ sản xuất và lắp ráp điện tử, chủ yếu tập trung vào sản xuất chip điện tử, IC, bo mạch điều khiển, và các chi tiết nhựa trong sản phẩm điện tử. tại KCN Ninh Thủy và KCN Suối Dầu.	10.000	2020
3	Dự án sản xuất vật liệu điện hóa, pin dùng trong các thiết bị điện tử viễn thông, điện thoại, máy tính xách tay. Công suất khoảng 5 triệu SP/năm tại CCN Đặc Lộc hoặc KCN Suối Dầu	350	2020
4	Dự án sản xuất mạch tích hợp, bộ nhớ dung lượng cao và ổ cứng và các thiết bị lưu trữ khác. Công suất khoảng 10 triệu SP/năm tại các Khu công nghiệp và cụm công nghiệp trên địa bàn.	850	2020
5	Dự án sản xuất, gia công phần mềm máy tính tại các Khu công nghiệp và cụm công nghiệp trên địa bàn	700	2020
6	Dự án sản xuất màn hình tinh thể lỏng LCD, LED, OLED công suất đạt 300.000 SP/năm tại các Khu công nghiệp và cụm công nghiệp trên địa bàn đáp ứng các yêu cầu	750	2021-2025

7	Dự án sản xuất robot công nghiệp, công suất ban đầu 2000 chiếc/năm tại KCN Vạn Thắng, Suối Dầu và Nam Cam Ranh.	1.400	2021-2025
8	Dự án sản xuất máy tính, định hướng ưu tiên lắp ráp máy chủ và các thiết bị mạng và thiết bị bảo mật, công suất khoảng 500.000 SP/năm tại Suối Dầu.	1.500	2021-2025
9	Dự án sản xuất đồ gia dụng: nồi cơm điện, máy điều hòa, tủ lạnh, máy rửa bát, bình nước nóng. Công suất 600.000 sản phẩm/năm, tại KCN Suối Dầu hoặc Nam Cam Ranh.	450	2021-2025
10	Dự án sản xuất tấm pin năng lượng mặt trời có công suất 30MW/năm tại Vạn Thắng, Suối Dầu và Nam Cam Ranh.	15.000	2021-2025
III	Công nghiệp chế biến nông, lâm sản, thực phẩm		
1	Chế biến thủy, hải sản		
1.1	Dự án nhà máy đồ hộp cá ngừ, công suất 1.000 - 2.000 tấn/năm.	100	2020
1.2	Dự án nhà máy chế biến thủy sản ăn liền (cá tầm gia vị...), công suất 1.000 - 2.000 tấn/năm.	100	2020
1.3	Dự án nhà máy chế biến rong biển, công suất 4.000 - 5.000 tấn/năm.	100	2020
1.4	Dự án nhà máy sản xuất thức ăn tôm, cá phục vụ nuôi trồng thủy sản, công suất 10.000 - 15.000 tấn/năm. 30 - 50 tỷ đồng.	30-50	2020
1.5	Đầu tư nâng công suất đổi mới thiết bị và công nghệ các cơ sở chế biến thủy sản hiện có trong tỉnh.	500	2021-2025
1.6	Dự án nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh, công suất 10.000 tấn/năm.	200	2021-2025
2	Chế biến nông sản, thực phẩm		
2.1	Chế biến lương thực		
2.1.1	Dự án nhà máy chế biến tinh bột gạo và bột dinh dưỡng, công suất 3.500 - 5.000 tấn/năm.	30-50	2020
2.1.2	Nhà máy chế biến nguyên liệu yến sào Khánh Hoà tại Ninh An, thị xã Ninh Hoà.	75	2020
2.1.3	Nâng công suất nhà máy chế biến tinh bột	50	2021-2025

	gạo và bột dinh dưỡng.		
2.2	Ngành mía đường		
2.2.1	Đầu tư chiều sâu, hiện đại hóa các nhà máy đường hiện có tại tỉnh Khánh Hòa	300	2020
2.2.2	Đầu tư các nhà máy sản xuất cồn thô công suất 2 - 3,5 triệu lít/năm.	30	2020
2.2.3	Nâng công suất các nhà máy sản xuất cồn thô.	40	2021-2025
2.2.4	Nhà máy đồ hộp thực phẩm xuất khẩu công suất 10.000 tấn/năm.	80	2020
2.2.5	Nhà máy chế biến hoa quả khô tại Khánh Sơn, công suất 5.000 - 8.000 tấn/năm.	30	2020
2.2.6	Nâng công suất nhà máy đồ hộp thực phẩm xuất khẩu lên 15.000 tấn/năm.	50	2021-2025
2.2.7	Nâng công suất nhà máy chế biến xoài tại huyện Cam Lâm, Cam Ranh, Khánh Hòa lên 8.000 - 10.000 tấn/năm.	30	2021-2025
2.2.8	Nâng công suất nhà máy chế biến hoa quả khô tại Khánh Sơn lên 10.000 tấn/năm.	20	2021-2025
2.3	Chế biến thực phẩm từ gia súc, gia cầm		
2.3.1	Nhà máy chế biến thịt gia súc, gia cầm tại KCN Suối Dầu, KCN Diên Phú, công suất 5.000 - 8.000 tấn/năm	60	2020
2.3.2	Nhà máy chế biến thịt đà điểu, cá sấu tại Ninh Hòa, công suất 5.000 tấn/năm.	80	2020
2.3.3	Nâng công suất Nhà máy chế biến thịt gia súc, gia cầm tại KCN Suối Dầu, KCN Diên Phú lên 10.000 tấn/năm.	30	2021-2025
2.3.4	Nâng công suất Nhà máy chế biến thịt đà điểu, cá sấu tại Ninh Hòa lên 8.000 tấn/năm.	50	2021-2025
3	Nhóm ngành chế biến lâm sản và sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ		
3.1	Chế biến gỗ, lâm sản		
3.1.1	Nhà máy sản xuất viên gỗ nén, công suất 1,7 triệu tấn/năm.	150	2020
3.1.2	Nhà máy sản xuất đồ thủ công mỹ nghệ tại KCN Ninh Thủy.	30	2020
3.1.3	Nâng công suất nhà máy sản xuất viên gỗ nén.	50	2021-2025

3.1.4	Nâng công suất nhà máy sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ.	15	2021-2025
3.2	Công nghiệp sản xuất giấy		
3.2.1	Nhà máy sản xuất giấy bao bì, công suất 20 triệu SP/năm.	50	2020
3.2.2	Nâng công suất Nhà máy sản xuất giấy bao bì lên 30 - 50 triệu sản phẩm/năm.	30	2021-2025
4	Nhóm ngành sản xuất bia, nước giải khát, nước khoáng		
4.1	Đầu tư chiều sâu nâng công suất và chất lượng sản phẩm nhà máy chế biến nước yến Công ty Yến Sào Khánh Hòa.	500	2020
4.2	Dự án đầu tư nâng cao năng lực dây chuyền sản xuất nước uống tăng lực Lipovitan của Công ty Taisho.	60	2020
4.3	Nâng công suất nhà máy bia Sanmigue	500	2020
4.4	Đầu tư nâng cao năng lực sản xuất Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hoà.	50	2020
4.5	Đầu tư nhà máy chế biến nước hoa quả có công suất từ 5.000 tấn quả/năm.	50	2020
4.6	Đầu tư nâng công suất nhà máy nhà máy Bia Sài Gòn – Khánh Hòa lên 100 triệu lít/năm.	500	2021-2025



